UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2629/QĐ-SYT

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 73/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: Số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; số 192/QĐ-UBND ngày 31/01/2026 sửa đổi Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 01/7/2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: số 2255/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2026; số 2999/QĐ-UBND ngày 22/9/2026 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2026 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ các Quyết định ngày 24/10/2026 của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2026: số 2558/QĐ-SYT; 2559/QĐ-SYT; 2560/QĐ-SYT; 2561/QĐ-SYT; 2562/QĐ-SYT; 2563/QĐ-SYT; 2564/QĐ-SYT; 2565/QĐ-SYT; 2566/QĐ-SYT; 2567/QĐ-SYT; 2568/QĐ-SYT; 2569/QĐ-SYT; 2570/QĐ-SYT; 2571/QĐ-SYT; 2572/QĐ-SYT; 2573/QĐ-SYT; 2574/QĐ-SYT; 2575/QĐ-SYT; 2576/QĐ-SYT;

Căn cứ các Quyết định của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026: 2577/QĐ-SYT ngày 24/10/2026; 2578/QĐ-SYT ngày 24/10/2026; 2579/QĐ-SYT ngày 24/10/2026; 2580/QĐ-SYT ngày 24/10/2026; 2581/QĐ-SYT ngày 24/10/2026; 2582/QĐ-SYT ngày 24/10/2026; 2583/QĐ-SYT ngày 24/10/2026; 2584/QĐ-SYT ngày 24/10/2026; 2617/QĐ-SYT ngày 28/10/2026; 2619/QĐ-SYT; 2620/QĐ-SYT; 2621/QĐ-SYT; 2622/QĐ-SYT; 2623/QĐ-SYT; 2624/QĐ-SYT; 2625/QĐ-SYT; 2626/QĐ-SYT; 2627/QĐ-SYT; 2628/QĐ-SYT ngày 29/10/2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 *(theo biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- BGĐ Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website SYT;
- Lưu: VT, KHTC.

(Huyen)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH THÁI NGUYÊN

Đặng Ngọc Huy

PHỤ BIỂU

(Kèm theo Quyết định số 2629/QĐ-SYT ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên)

Đvt: Triệu đồng

STT	Đơn vị/Nội dung chi	Tổng	Bệnh viện Sức khoẻ Tâm thần	Bệnh viện đa khoa Đại Từ	Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	Bệnh viện Phổi	Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch	Bệnh viện Đồng Hỷ	Bệnh viện Ba Bể	Bệnh viện Bạch Thông	Bệnh viện Chợ Đồn	Bệnh viện Chợ Mới	Bệnh viện Na Rì	Bệnh viện Ngân Sơn	Bệnh viện Pác Nặm	Bệnh viện Phùng Chí Kiên	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Trung tâm Pháp y	Trung tâm giám định y khoa	Trung tâm Kiểm soát dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và thiết bị y tế	Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên	Bệnh viện Phổ Yên	Bệnh viện đa khoa Phú Bình	Bệnh viện Sông Công	Bệnh viện Phú Lương	Bệnh viện đa khoa Định Hoá	Bệnh viện Võ Nhai
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*
A	**NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**0**	**-2.305**	**775**	**-34**	**943**	**319**	**1.166**	**318**	**2.189**	**202**	**1.731**	**437**	**194**	**1.959**	**1.255**	**222**	**-4.827**	**-71**	**-70**	**-96**	**-7.665**	**620**	**934**	**282**	**535**	**563**	**424**
I	**Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể**																											
I.1	***Kinh phí thường xuyên thực hiện tự chủ***																											
I.2	***Kinh phí thường xuyên không thực hiện tự chủ***																											
II	**Sự nghiệp y tế**	**0**	**-2.305**	**775**	**-34**	**943**	**319**	**1.166**	**318**	**2.189**	**202**	**1.731**	**437**	**194**	**1.959**	**1.255**	**222**	**-4.827**	**-71**	**-70**	**-96**	**-7.665**	**620**	**934**	**282**	**535**	**563**	**424**
II.1	***Kinh phí thường xuyên thực hiện tự chủ***	***0***	-2.305			984				2.014	76	1.529			1.847	868	51	-4.827	-71	-70	-96							
II.2	***Kinh phí thường xuyên không thực hiện tự chủ***	***0***	0	775	-34	-41	319	1.166	318	175	126	202	437	194	112	387	171	0	0	0	0	-7.665	620	934	282	535	563	424
	Kinh phí hỗ trợ thực hiện chương trình, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	*0*		*-10*	*-34*	*-41*	*239*			*-3*	*-14*	*-4*	*-2*	*-60*	*-61*	*-5*	*-5*											
	Kinh phí hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản công phục vụ hoạt động chuyên môn	*0*					80	-50	-150	-75			120			75												
	Kinh phí khám sức khỏe công dân nhập ngũ thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2027	*0*		785				1.216	468	253	140	206	319	254	173	317	176					-7.665	620	934	282	535	563	424